

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*  
*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	<b>5 – 39</b>
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 39

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 20 Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Lương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Kiên	Ủy viên	
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2017
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2017
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thái Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng	

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



Số: 5.7./2018/BCKT-TC2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 01 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**  
Phó Giám đốc



**Mai Văn Công**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Hải Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2016-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>855.792.128.292</b>	<b>1.301.990.622.964</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>139.799.029.815</b>	<b>148.877.030.334</b>
1.	Tiền	111		44.283.164.111	103.186.841.446
2.	Các khoản tương đương tiền	112		95.515.865.704	45.690.188.888
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>3.619.877.500</b>	<b>3.693.380.352</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.619.877.500	3.693.380.352
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>590.123.489.425</b>	<b>1.041.431.048.438</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	361.774.502.188	629.328.308.505
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	299.215.799.335	474.190.457.382
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	15.500.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	52.493.824.272	65.787.007.598
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(138.860.636.370)	(127.874.725.047)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>98.928.992.002</b>	<b>98.445.918.011</b>
1.	Hàng tồn kho	141		98.928.992.002	98.445.918.011
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.320.739.550</b>	<b>9.543.245.829</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	134.875.433	141.974.140
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.666.721.609	7.813.929.746
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	12.519.142.508	1.587.341.943
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.865.224.996</b>	<b>258.769.590.909</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.762.846.651</b>	<b>16.856.344.579</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	8.668.900.813	16.668.452.913
	- Nguyên giá	222		38.892.120.922	58.620.853.396
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.223.220.109)	(41.952.400.483)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	93.945.838	187.891.666
	- Nguyên giá	228		225.470.000	225.470.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(131.524.162)	(37.578.334)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	-	<b>1.882.581.224</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.882.581.224
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>222.030.694.745</b>	<b>236.611.683.333</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		49.345.614.932	44.989.614.932
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		173.022.649.354	194.990.499.661
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.671.375.950	11.678.525.643
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(7.008.945.491)	(15.046.956.903)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.071.683.600</b>	<b>3.418.981.773</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.071.683.600	3.418.981.773
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.087.657.353.288</b>	<b>1.560.760.213.873</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>575.532.767.333</b>	<b>1.018.451.243.088</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>535.121.028.630</b>	<b>936.787.944.335</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	309.057.573.563	497.874.562.391
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	108.694.063.665	261.613.503.953
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	9.626.057.852	5.552.538.666
4.	Phải trả người lao động	314		3.680.170.223	4.723.029.442
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	54.573.109.877	53.379.386.655
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	918.829.218	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	41.315.116.828	47.771.205.555
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	3.000.000.000	62.256.945.982
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.256.107.404	3.616.771.691
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.411.738.703</b>	<b>81.663.298.753</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	37.122.279.836	19.309.078.734
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	3.289.458.867	62.354.220.019
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>512.124.585.955</b>	<b>542.308.970.785</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>512.124.585.955</b>	<b>542.308.970.785</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		19.544.113.527	16.828.209.279
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.417.795.883	54.318.084.961
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.417.795.883	54.318.084.961
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>1.087.657.353.288</b>	<b>1.560.760.213.873</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.011.431.006.652	1.916.548.630.116
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	7.415.309.285	-
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.004.015.697.367</b>	<b>1.916.548.630.116</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	975.231.701.122	1.870.656.233.839
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>28.783.996.245</b>	<b>45.892.396.277</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	62.303.791.641	83.160.918.811
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.068.988.802	17.334.948.014
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.051.729.343	19.226.905.997
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	64.804.496.038	69.160.557.629
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24.214.303.046</b>	<b>42.557.809.445</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	10.787.315.595	19.732.774.984
12.	Chi phí khác	32	VI.07	12.535.124.113	7.088.351.684
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.747.808.518)</b>	<b>12.644.423.300</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>22.466.494.528</b>	<b>55.202.232.745</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.048.698.645	884.147.784
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>21.417.795.883</b>	<b>54.318.084.961</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Giang Thanh



Lê Thị Ngọc



Nguyễn Đức Kiên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		920.178.276.624	1.461.554.841.986
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(784.639.091.490)	(1.240.251.696.710)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.064.026.004)	(45.926.359.048)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(5.880.110.933)	(19.363.975.485)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	(15.285.571.474)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.891.614.119	20.124.255.026
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.800.542.163)	(34.555.556.783)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>91.686.120.153</b>	<b>126.295.937.512</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		12.367.768.131	18.242.258.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.426.497.148)	(14.193.380.352)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		300.000.000	10.500.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.356.000.000)	(6.665.430.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.319.950.000	34.806.920.052
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.594.169.053	69.896.850.328
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>73.799.390.036</b>	<b>112.587.218.028</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		33.990.503.276	123.719.737.709
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(152.312.210.410)	(322.130.644.195)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56.241.803.574)	(55.693.476.456)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(174.563.510.708)</b>	<b>(254.104.382.942)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(9.078.000.519)</b>	<b>(15.221.227.402)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>148.877.030.334</b>	<b>164.088.117.502</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	10.140.234
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>139.799.029.815</b>	<b>148.877.030.334</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Giang Thanh

Lê Thị Ngọc

Nguyễn Đức Kiên

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện hành bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

**04. Cấu trúc doanh nghiệp****04.1 Thông tin về Công ty con**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	82,65%
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Điền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%

**04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh**

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê công	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)

## **TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

(\*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,00%.

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao vực vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 69,07%.

(\*\*) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí SXKD của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 09. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn tương ứng với phần doanh thu được nghiệm thu trong năm phản ánh trị giá vốn của giá thành xây lắp nghiệm thu thanh toán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.490.564.581	2.276.208.078
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.792.599.530	82.047.503.900
- Tiền đang chuyển	-	18.863.129.468
- Các khoản tương đương tiền (*)	95.515.865.704	45.690.188.888
<b>Cộng</b>	<b><u>139.799.029.815</u></b>	<b><u>148.877.030.334</u></b>

(\*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm.

**02. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	3.619.877.500	3.619.877.500	3.693.380.352	3.693.380.352
<b>Cộng</b>	<b><u>3.619.877.500</u></b>	<b><u>3.619.877.500</u></b>	<b><u>3.693.380.352</u></b>	<b><u>3.693.380.352</u></b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,6%/năm.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính : VND

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>49.345.614.932</b>	<b>49.345.614.932</b>	-			<b>44.989.614.932</b>	<b>44.989.614.932</b>	-
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	82,65%	82,65%	33.058.000.000	33.058.000.000	-	82,65%	82,65%	33.058.000.000	33.058.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long (a)	51,13%	51,13%	9.787.614.932	9.787.614.932	-	51,13%	51,13%	5.431.614.932	5.431.614.932	-
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	65,00%	65,00%	3.250.000.000	3.250.000.000	-	65,00%	65,00%	3.250.000.000	3.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	65,00%	65,00%	3.250.000.000	3.250.000.000	-	65,00%	65,00%	3.250.000.000	3.250.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>173.022.649.354</b>	<b>166.013.703.863</b>	<b>(7.008.945.491)</b>			<b>194.990.499.661</b>	<b>186.758.542.758</b>	<b>(8.231.956.903)</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	-	-	-	-	-	20,00%	20,00%	1.807.850.307	1.807.850.307	-
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long (b)	-	-	-	-	-	36,00%	36,00%	20.160.000.000	15.573.125.211	(4.586.874.789)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	36,00%	36,00%	5.400.000.000	1.754.917.886	(3.645.082.114)	36,00%	36,00%	5.400.000.000	1.754.917.886	(3.645.082.114)
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	49,00%	49,00%	109.644.000.000	109.644.000.000	-	49,00%	49,00%	109.644.000.000	109.644.000.000	-
- Công ty TNHH Kết cấu thép	45,55%	45,55%	27.797.662.360	26.353.763.548	(1.443.898.812)	45,55%	45,55%	27.797.662.360	27.797.662.360	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính : VND

	<i>Số cuối năm</i>					<i>Số đầu năm</i>				
	<i>% sở hữu</i>	<i>% quyền biểu quyết</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>% quyền biểu quyết</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Dự phòng</i>
Mitsui - Thăng Long										
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03%	22,03%	17.844.300.000	17.844.300.000	-	-	-	17.844.300.000	17.844.300.000	-
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	49,00%	49,00%	12.336.686.994	10.416.722.429	(1.919.964.565)	49,00%	49,00%	12.336.686.994	12.336.686.994	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>			<b>6.671.375.950</b>	<b>6.671.375.950</b>	<b>-</b>			<b>11.678.525.643</b>	<b>4.863.525.643</b>	<b>(6.815.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	-	-	-	-	-	11,85%	11,85%	6.815.000.000	-	(6.815.000.000)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16%	16,16%	1.807.850.307	1.807.850.307	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89%	16,89%	300.000.000	300.000.000	-	16,89%	16,89%	300.000.000	300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	14,39%	14,39%	2.850.307.611	2.850.307.611	-	14,39%	14,39%	2.850.307.611	2.850.307.611	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00%	15,00%	1.713.218.032	1.713.218.032	-	15,00%	15,00%	1.713.218.032	1.713.218.032	-
<b>Cộng</b>			<b>229.039.640.236</b>	<b>222.030.694.745</b>	<b>(7.008.945.491)</b>			<b>251.658.640.236</b>	<b>236.611.683.333</b>	<b>(15.046.956.903)</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (a) Tăng theo Quyết định số 09A/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc mua cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cầu 3 Thăng Long.
- (b) Giảm theo Quyết định số 14/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thăng Long - CTCP về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:**

Tên Công ty con, liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm</b>	<b>31.635.160.381</b>	<b>52.081.195.949</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	3.305.800.000	3.305.800.000
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	522.720.000	522.720.000
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	390.000.000	-
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	-	980.000.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	-	201.855.602
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	22.308.618.290	16.070.183.487
- Công ty TNHH BOT đường 188	5.108.022.091	31.000.636.860
<b>Doanh thu trong năm</b>	<b>2.014.335.906</b>	<b>152.581.772.832</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	-	261.703.609
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	-	29.983.169
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	314.962.182	291.077.276
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	-	498.609.348
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	11.242.843	75.463.871
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	-	1.641.627.031
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	430.222.590	430.222.590
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	409.545.000	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	848.363.291	149.353.085.938
<b>Mua hàng, thầu phụ trong năm</b>	<b>225.492.415.002</b>	<b>457.422.940.544</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	67.351.916.414	139.847.832.150
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	80.377.339.245	112.249.427.031
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	16.130.914.064	32.416.131.980
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	41.360.908.379	95.477.090.279
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	20.271.336.900	39.523.123.748
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	-	37.909.335.356
<b>Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ</b>	<b>2.687.818.182</b>	<b>12.667.492.574</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	1.569.090.909	3.259.090.908
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	1.118.727.273	9.408.401.666
<b>Lãi ứng trước tiền hợp đồng thầu phụ</b>	<b>1.552.257.549</b>	<b>130.769.845</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	231.424.216	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	1.305.083.333	-
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	-	105.964.434
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	15.750.000	24.805.411

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tên Công ty con, liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
<b>Chuyển tiền cho vay</b>	<b>5.500.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	5.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	500.000.000	-
<b>Lãi từ cho vay tiền</b>	<b>217.767.123</b>	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	211.726.027	-
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	6.041.096	-
<b>03. Phải thu của khách hàng</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>361.774.502.188</b>	<b>629.328.308.505</b>
- Khu quản lý giao thông đô thị số 2	7.657.129.485	112.088.571.327
- Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	83.229.427.500	7.335.304.649
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	38.927.618.475	19.211.677.468
- Ban quản lý dự án 7	43.789.504.474	43.850.130.049
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	188.170.822.254	446.842.625.012
<b>Cộng</b>	<b>361.774.502.188</b>	<b>629.328.308.505</b>
<b>b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>22.554.094.730</b>	<b>32.361.630.487</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	1.609.758.400	189.108.000
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	1.887.491.869	4.500.006.000
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	5.077.943.432	9.002.408.789
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	225.076.500	-
- Công ty Cổ phần Tasco	13.380.579.680	17.723.618.000
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	373.244.849	946.489.698
<b>Cộng</b>	<b>22.554.094.730</b>	<b>32.361.630.487</b>
<b>04. Trả trước cho người bán</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>299.215.799.335</b>	<b>474.190.457.382</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	60.993.135.121	70.159.450.556
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 8 Thăng Long	43.003.785.167	44.927.244.835
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	14.796.056.837	12.476.876.543
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	12.950.000.000	3.595.124.902
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	167.472.822.210	343.031.760.546
<b>Cộng</b>	<b>299.215.799.335</b>	<b>474.190.457.382</b>
<b>b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>		
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>72.282.742.954</b>	<b>78.231.789.280</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	14.796.056.837	12.476.876.543
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	12.950.000.000	3.595.124.902
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	1.532.900.950	2.528.073.000
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	-	14.704.470.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	43.003.785.167	44.927.244.835
<b>Cộng</b>	<b>72.282.742.954</b>	<b>78.231.789.280</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>15.500.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tasco Thành Công <sup>(a)</sup>	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long <sup>(b)</sup>	5.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long <sup>(c)</sup>	500.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.500.000.000</b>	-	-	-

(a): Theo hợp đồng vay vốn số 01/2017/HĐ/TL-TCTC ngày 14 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng số 01/2017/PL01/TL-TCTC ngày 13 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Tasco Thành Công vay thời hạn 06 tháng.

(b): Theo hợp đồng vay vốn số 444/2017/HĐVV/TLG-TCKT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long vay thời hạn 06 tháng.

(c): Theo hợp đồng vay vốn số 002/2017/HĐVV/TLG-TCKT ngày 07 tháng 11 năm 2017, Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long vay thời hạn 12 tháng.

**b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.500.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	5.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	500.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.500.000.000</b>	-	-	-

**06. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.493.824.272</b>	-	<b>65.787.007.598</b>	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	11.735.526.919	-	13.561.128.834	-
- Tạm ứng	30.530.729.542	-	30.524.310.500	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	312.737.497	-	563.555.225	-
- Phải thu khác	9.914.830.314	-	21.138.013.039	-
+ Ban điều hành dự án	7.590.972.449	-	9.310.369.029	-
+ Các khoản phải thu khác	2.323.857.865	-	11.827.644.010	-
<b>Cộng</b>	<b>52.493.824.272</b>	-	<b>65.787.007.598</b>	-

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	21.993.056.655	16.597.026.900	19.563.645.656	14.167.615.901
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	45.503.893.539	9.656.141.852	45.503.893.539	9.656.141.852
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	82.635.316.575	13.653.769.058	82.576.216.575	13.594.669.058
- Công ty CP Xây dựng Hùng Vũ	20.653.048.115	3.003.652.027	20.653.048.115	3.003.652.027
- Công ty CPXD số 17 Thăng Long	27.853.815.845	16.867.904.522	-	-
<b>Cộng</b>	<b>198.639.130.729</b>	<b>59.778.494.359</b>	<b>168.296.803.885</b>	<b>40.422.078.838</b>

**08. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	134.494.383	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	106.582.268	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.928.992.002	-	98.204.841.360	-
<b>Cộng</b>	<b>98.928.992.002</b>	<b>-</b>	<b>98.445.918.011</b>	<b>-</b>

**09. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	<b>1.882.581.224</b>
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	-	1.850.707.012
- Đầu tư dự án khác	-	31.874.212
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.882.581.224</b>



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>43.099.237.210</i>	<i>10.009.329.593</i>	<i>3.587.563.514</i>	<i>1.924.723.079</i>	<i>58.620.853.396</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(9.114.397.154)	(10.009.329.593)	-	(605.005.727)	(19.728.732.474)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>33.984.840.056</i>	<i>-</i>	<i>3.587.563.514</i>	<i>1.319.717.352</i>	<i>38.892.120.922</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>32.346.761.258</i>	<i>5.518.804.859</i>	<i>2.409.821.599</i>	<i>1.677.012.767</i>	<i>41.952.400.483</i>
- Khấu hao trong năm	2.587.995.319	1.803.528.962	235.548.384	120.495.368	4.747.568.033
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(8.639.126.964)	(7.322.333.821)	-	(515.287.622)	(16.476.748.407)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>26.295.629.613</i>	<i>-</i>	<i>2.645.369.983</i>	<i>1.282.220.513</i>	<i>30.223.220.109</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>10.752.475.952</i>	<i>4.490.524.734</i>	<i>1.177.741.915</i>	<i>247.710.312</i>	<i>16.668.452.913</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>7.689.210.443</i>	<i>-</i>	<i>942.193.531</i>	<i>37.496.839</i>	<i>8.668.900.813</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 6.787.549.652 đồng.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>225.470.000</b>	<b>225.470.000</b>
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>225.470.000</b>	<b>225.470.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>37.578.334</b>	<b>37.578.334</b>
- Khấu hao trong năm	93.945.828	93.945.828
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>131.524.162</b>	<b>131.524.162</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>187.891.666</b>	<b>187.891.666</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>93.945.838</b>	<b>93.945.838</b>

**12. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>134.875.433</b>	<b>141.974.140</b>
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	134.875.433	141.974.140
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.071.683.600</b>	<b>3.418.981.773</b>
- Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.071.683.600	3.418.981.773
<b>Cộng</b>	<b>1.206.559.033</b>	<b>3.560.955.913</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	62.256.945.982	62.256.945.982	33.990.503.276	93.247.449.258	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>	62.256.945.982	62.256.945.982	33.990.503.276	93.247.449.258	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long <sup>(a)</sup>	18.845.306.622	18.845.306.622	20.426.390.666	36.271.697.288	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội	31.282.949.560	31.282.949.560	-	31.282.949.560	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển VN - CN Nam Hà Nội	12.128.689.800	12.128.689.800	6.564.112.610	18.692.802.410	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
<b>b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	62.354.220.019	62.354.220.019	-	59.064.761.152	3.289.458.867	3.289.458.867
<i>Vay dài hạn</i>	62.354.220.019	62.354.220.019	-	59.064.761.152	3.289.458.867	3.289.458.867
<i>Trên 5 năm</i>	62.354.220.019	62.354.220.019	-	59.064.761.152	3.289.458.867	3.289.458.867
<i>Vay ngân hàng</i>	62.354.220.019	62.354.220.019	-	59.064.761.152	3.289.458.867	3.289.458.867
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long <sup>(b)</sup>	9.350.890.450	9.350.890.450	-	6.061.431.583	3.289.458.867	3.289.458.867
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đống Đa	53.003.329.569	53.003.329.569	-	53.003.329.569	-	-
<b>Cộng</b>	<b>124.611.166.001</b>	<b>124.611.166.001</b>	<b>33.990.503.276</b>	<b>152.312.210.410</b>	<b>6.289.458.867</b>	<b>6.289.458.867</b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 80311.16.054.1368337.TD ngày 14 tháng 10 năm 2016, để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 700.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 13 tháng 10 năm 2017, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công công trình do Ngân hàng TMCP Quân đội tài trợ.

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền thu từ khối lượng các công trình, nguồn vốn khấu hao tài sản, thiết bị và các nguồn thu hợp pháp khác, lãi suất điều chỉnh qua từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng.

Đơn vị tính: VND

**14. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>309.057.573.563</b>	<b>309.057.573.563</b>	<b>497.874.562.391</b>	<b>497.874.562.391</b>
- Công ty Cổ phần – Tổng Công ty cơ khí và xây dựng Thăng Long	32.697.532.571	32.697.532.571	44.553.620.934	44.553.620.934
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	38.399.817.661	38.399.817.661	51.378.340.562	51.378.340.562
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	16.004.029.634	16.004.029.634	30.815.920.886	30.815.920.886
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	221.956.193.697	221.956.193.697	371.126.680.009	371.126.680.009
<b>Cộng</b>	<b>309.057.573.563</b>	<b>309.057.573.563</b>	<b>497.874.562.391</b>	<b>497.874.562.391</b>

**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>66.066.545.234</b>	<b>66.066.545.234</b>	<b>104.887.309.561</b>	<b>104.887.309.561</b>
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	16.004.029.634	16.004.029.634	30.815.920.886	30.815.920.886
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	38.399.817.661	38.399.817.661	51.378.340.562	51.378.340.562
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	2.813.475.074	2.813.475.074	11.155.073.931	11.155.073.931
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	8.290.585.561	8.290.585.561	9.055.877.210	9.055.877.210
- Công ty Xây dựng Số 8 Thăng Long	558.637.304	558.637.304	2.482.096.972	2.482.096.972
<b>Cộng</b>	<b>66.066.545.234</b>	<b>66.066.545.234</b>	<b>104.887.309.561</b>	<b>104.887.309.561</b>

**TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>108.694.063.665</i>	<i>108.694.063.665</i>	<i>261.613.503.953</i>	<i>261.613.503.953</i>
- Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	-	-	134.642.934.122	134.642.934.122
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	16.094.533.240	16.094.533.240	19.211.677.468	19.211.677.468
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP Hà Nội	31.609.386.170	31.609.386.170	-	-
- Khu quản lý giao thông đô thị số 2	18.908.463.000	18.908.463.000	-	-
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	13.073.128.665	13.073.128.665	15.699.120.972	15.699.120.972
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	29.008.552.590	29.008.552.590	92.059.771.391	92.059.771.391
<b>Cộng</b>	<b>108.694.063.665</b>	<b>108.694.063.665</b>	<b>261.613.503.953</b>	<b>261.613.503.953</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	672.260.687	-	1.580.954.953	13.427.836.774	12.519.142.508	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	915.081.256	-	1.625.239.445	-	-	710.158.189
- Thuế thu nhập cá nhân	-	330.158.512	2.173.262.841	2.295.913.668	-	207.507.685
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	6.682.052.626	6.682.052.626	-	-
- Các loại thuế khác	-	17.756.117	3.724.302.409	3.724.302.409	-	17.756.117
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	5.204.624.037	6.605.859.743	3.119.847.919	-	8.690.635.861
<b>Cộng</b>	<b>1.587.341.943</b>	<b>5.552.538.666</b>	<b>22.391.672.017</b>	<b>29.249.953.396</b>	<b>12.519.142.508</b>	<b>9.626.057.852</b>

H' H' N'

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>54.573.109.877</b>	<b>53.379.386.655</b>
- Chi phí thi công công trình	44.307.425.908	45.285.321.096
- Chi phí lãi vay	10.265.683.969	8.094.065.559
<b>Cộng</b>	<b>54.573.109.877</b>	<b>53.379.386.655</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>918.829.218</b>	-
- Doanh thu nhận trước	918.829.218	-
<b>Cộng</b>	<b>918.829.218</b>	-

**19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>41.315.116.828</b>	<b>47.771.205.555</b>
- Kinh phí công đoàn	33.931.500	67.294.150
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp	146.783.064	179.185.663
- Phải trả về cổ phần hóa	-	2.657.457.171
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	187.869.500	6.205.233.074
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.946.532.764	38.662.035.497
+ Công ty TNHH Đầu tư dầu khí Hà Nội	-	1.200.000.000
+ Đội thi công công trình	34.236.740.586	31.005.985.395
+ Các đối tượng khác	6.709.792.178	6.456.050.102
<b>b. Dài hạn</b>	<b>37.122.279.836</b>	<b>19.309.078.734</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.122.279.836	19.309.078.734
<b>Cộng</b>	<b>78.437.396.664</b>	<b>67.080.284.289</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	10.340.893.154	58.711.756.125	540.215.325.824
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	54.318.084.961	54.318.084.961
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	6.487.316.125	(58.711.756.125)	(52.224.440.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>16.828.209.279</b>	<b>54.318.084.961</b>	<b>542.308.970.785</b>
Số dư đầu năm nay	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	16.828.209.279	54.318.084.961	542.308.970.785
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	21.417.795.883	21.417.795.883
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	2.715.904.248	(54.318.084.961)	(51.602.180.713)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>52.625.676.545</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>19.544.113.527</b>	<b>21.417.795.883</b>	<b>512.124.585.955</b>

(\*): Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2.715.904.248	6.487.316.125
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.377.740.713	2.000.000.000
Trích cổ tức chi trả	50.224.440.000	50.224.440.000
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>54.318.084.961</b>	<b>58.711.756.125</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	25,05	105.000.000.000	25,05
- Vốn góp của các cổ đông khác	314.080.000.000	74,95	314.080.000.000	74,95
<b>Cộng</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>100</b>	<b>419.080.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	50.224.440.000	50.224.440.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	50.224.440.000	50.224.440.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Tổng Công ty**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	19.544.113.527	16.828.209.279
<b>Cộng</b>	<b>19.544.113.527</b>	<b>16.828.209.279</b>

**21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	278,06	355,11
- JPY	73.138	1.320.203



**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	990.504.215.124	1.899.861.465.170
- Doanh thu các hoạt động khác	20.926.791.528	16.687.164.946
<b>Cộng</b>	<b><u>1.011.431.006.652</u></b>	<b><u>1.916.548.630.116</u></b>

Ngoài các giao dịch về doanh thu với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.02, không còn giao dịch nào khác.

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giảm giá hàng bán	7.415.309.285	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.415.309.285</u></b>	<b><u>-</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	963.499.850.596	1.862.661.310.667
- Giá vốn các hoạt động khác	11.731.850.526	7.994.923.172
<b>Cộng</b>	<b><u>975.231.701.122</u></b>	<b><u>1.870.656.233.839</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.901.107.080	4.541.029.130
- Lãi từ việc nhượng bán khoản đầu tư vào công ty liên kết, công ty khác	-	13.213.466.199
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.962.614.948	65.355.821.198
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	50.602.284
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	9.440.069.613	-
<b>Cộng</b>	<b><u>62.303.791.641</u></b>	<b><u>83.160.918.811</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	8.051.729.343	19.226.905.997
- Lỗ do nhượng bán khoản đầu tư vào công ty liên kết, công ty khác	2.044.500.000	7.332.086.190
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.770.871	189.016.200
- Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác	(8.038.011.412)	(9.413.060.373)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.068.988.802</u></b>	<b><u>17.334.948.014</u></b>

**06. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.147.087.575	15.794.947.924
- Thu tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng	-	1.835.693.434
- Các khoản khác	2.640.228.020	2.102.133.626
<b>Cộng</b>	<b><u>10.787.315.595</u></b>	<b><u>19.732.774.984</u></b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí phạt	10.971.502.706	1.818.757.093
- Các khoản khác	1.563.621.407	5.269.594.591
<b>Cộng</b>	<b>12.535.124.113</b>	<b>7.088.351.684</b>

**08. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>64.804.496.038</i>	<i>69.160.557.629</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	25.234.904.650	31.816.214.474
- Chi phí vật liệu quản lý	46.902.063	411.519.820
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.490.292.128	497.706.448
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.431.972.765	5.350.162.334
- Thuế, phí và lệ phí	3.053.281.806	2.659.207.951
- Chi phí dự phòng	10.985.911.323	2.861.331.531
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.974.069.740	3.210.654.634
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.587.161.563	22.353.760.437
<b>Cộng</b>	<b>64.804.496.038</b>	<b>69.160.557.629</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	999.374.373	663.694.471
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	49.324.272	220.453.313
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.048.698.645</b>	<b>884.147.784</b>

**10. Chi phí theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.078.804.620	86.018.763.269
- Chi phí nhân công	34.339.888.308	61.517.861.610
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.841.513.861	5.856.844.608
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.293.304.004	4.968.051.690
- Chi phí khác bằng tiền	18.728.600.480	5.412.601.060
- Chi phí thuê phụ	905.910.144.178	1.740.153.196.898
- Chi phí trích lập dự phòng	10.985.911.323	(1.902.466.080)
<b>Cộng</b>	<b>1.041.178.166.774</b>	<b>1.902.024.853.055</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 02. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	4.322.285.550	4.344.836.630
<b>Cộng</b>	<b>4.322.285.550</b>	<b>4.344.836.630</b>

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Tasco	Cổ đông nắm giữ 35,4% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 21 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui Thăng Long	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên kết, đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư kể từ ngày 12/9/2017

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.02, không còn nghiệp vụ nào khác phát sinh trong năm giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.05 và V.14 không còn các công nợ nào khác với các bên liên quan khác.

#### 03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

##### *Lĩnh vực kinh doanh:*

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Khác: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, thuê văn phòng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Xây dựng</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	983.088.905.839	20.926.791.528	1.004.015.697.367
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	967.974.297.259	11.827.097.062	979.801.394.321
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>15.114.608.580</b>	<b>9.099.694.466</b>	<b>24.214.303.046</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	263.443.604	5.607.864	269.051.468
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.763.574.770	2.651.005.146	7.414.579.916
<b>Số dư cuối năm nay</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	713.206.902.638	9.000.848.590	722.207.751.228
- Tài sản không phân bổ			365.449.602.060
<b>Tổng tài sản</b>	<b>713.206.902.638</b>	<b>9.000.848.590</b>	<b>1.087.657.353.288</b>
- Nợ phải trả bộ phận	569.000.227.513	2.276.432.416	571.276.659.929
- Nợ phải trả không phân bổ			4.256.107.404
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>569.000.227.513</b>	<b>2.276.432.416</b>	<b>575.532.767.333</b>

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Xây dựng</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm trước</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.899.861.465.170	16.687.164.946	1.916.548.630.116
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	1.865.966.863.641	8.023.957.030	1.873.990.820.671
- <b>Lợi nhuận từ hoạt động KD</b>	<b>33.894.601.529</b>	<b>8.663.207.916</b>	<b>42.557.809.445</b>
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.546.922.714	1.309.921.894	5.856.844.608
<b>Số dư cuối năm trước</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.160.959.689.020	10.618.430.834	1.171.578.119.854
- Tài sản không phân bổ			389.182.094.019
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.160.959.689.020</b>	<b>10.618.430.834</b>	<b>1.560.760.213.873</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.014.745.003.226	89.468.171	1.014.834.471.397
- Nợ phải trả không phân bổ			3.616.771.691
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.014.745.003.226</b>	<b>89.468.171</b>	<b>1.018.451.243.088</b>

**Khu vực địa lý :**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam .

**TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.799.029.815	-	148.877.030.334	-	139.799.029.815	148.877.030.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	383.424.859.421	(138.860.636.370)	664.027.450.378	(127.874.725.047)	244.564.223.051	536.152.725.331
Phải thu về cho vay	15.500.000.000	-	-	-	15.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.619.877.500	-	3.693.380.352	-	3.619.877.500	3.693.380.352
<b>Cộng</b>	<b>542.343.766.736</b>	<b>(138.860.636.370)</b>	<b>816.597.861.064</b>	<b>(127.874.725.047)</b>	<b>403.483.130.366</b>	<b>688.723.136.017</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	309.057.573.563	497.874.562.391	309.057.573.563	497.874.562.391
Vay và nợ	6.289.458.867	124.611.166.001	6.289.458.867	124.611.166.001
Chi phí phải trả	54.573.109.877	53.379.386.655	54.573.109.877	53.379.386.655
Các khoản phải trả khác	78.256.682.100	64.176.347.305	78.256.682.100	64.176.347.305
<b>Cộng</b>	<b>448.176.824.407</b>	<b>740.041.462.352</b>	<b>448.176.824.407</b>	<b>740.041.462.352</b>

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	309.057.573.563	-	-	309.057.573.563
Vay và nợ	3.000.000.000	3.289.458.867	-	6.289.458.867
Chi phí phải trả	54.573.109.877	-	-	54.573.109.877
Các khoản phải trả khác	41.134.402.264	37.122.279.836	-	78.256.682.100
<b>Cộng</b>	<b>407.765.085.704</b>	<b>40.411.738.703</b>	<b>-</b>	<b>448.176.824.407</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	497.874.562.391	-	-	497.874.562.391
Vay và nợ	62.256.945.982	62.354.220.019	-	124.611.166.001
Chi phí phải trả	53.379.386.655	-	-	53.379.386.655
Các khoản phải trả khác	44.867.268.571	19.309.078.734	-	64.176.347.305
<b>Cộng</b>	<b>658.378.163.599</b>	<b>81.663.298.753</b>	<b>-</b>	<b>740.041.462.352</b>

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

## TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

## **09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

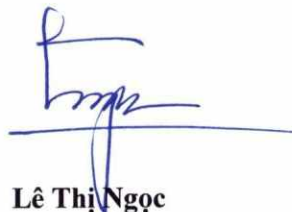
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Giang Thanh**

**Kế toán trưởng**



**Lê Thị Ngọc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Đức Kiên**